

**ỦY BAN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ LAI CHÂU**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 2407/QĐ-UBND

Thành phố Lai Châu, ngày 28 tháng 11 năm 2022

QUYẾT ĐỊNH

V/v Bồi thường, hỗ trợ dự án: Đường nối các khu dân cư với vùng sản xuất thành phố Lai Châu (Tuyến số 1, Tuyến số 3 và Tuyến nối QL4D đến nhà máy gạch Tuynen cũ): Tuyến nối QL4D đến nhà máy gạch Tuynen cũ đối với hộ gia đình, cá nhân ông Nguyễn Mạnh Hải – Cư trú tại: Tổ 11, phường Đoàn Kết, thành phố Lai Châu

ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ LAI CHÂU

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015;

Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22/11/2019;

Căn cứ Luật Đất đai ngày 29/11/2013;

Căn cứ Nghị định số 47/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ Quy định về bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất;

Căn cứ Thông tư số 37/2014/TT-BTNMT ngày 30/6/2014 của Bộ Tài nguyên và Môi trường Quy định chi tiết về bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất;

Căn cứ Quyết định số 16/2020/QĐ-UBND ngày 04/5/2020 của UBND tỉnh Lai Châu Về việc ban hành Quy định một số nội dung về trình tự thực hiện thu hồi đất, bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất trên địa bàn tỉnh Lai Châu;

Căn cứ Quyết định số 2214/QĐ-UBND ngày 23/11/2022 của UBND thành phố Lai Châu về việc Phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ, tái định cư bổ sung lần 2 dự án: Đường nối các khu dân cư với vùng sản xuất thành phố Lai Châu (Tuyến số 1, Tuyến số 3 và Tuyến nối QL4D đến nhà máy gạch Tuynen cũ): Tuyến nối QL4D đến nhà máy gạch Tuynen cũ;

Theo đề nghị của Trưởng phòng Tài nguyên và Môi trường thành phố Lai Châu tại Tờ trình số 1622/TTr-TNMT ngày 24 / 11 /2022.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Bồi thường, hỗ trợ đối với hộ gia đình ông Nguyễn Mạnh Hải – Cư trú tại: Tổ 11, phường Đoàn Kết, thành phố Lai Châu, cụ thể như sau:

1. Tổng số tiền bồi thường, hỗ trợ Chủ đầu tư phải chi trả là: 21.656.651 đồng.

(Bằng chữ: Hai mươi một triệu sáu trăm năm mươi sáu nghìn sáu trăm năm mươi một đồng)

(Có bảng tổng hợp chi tiết kèm theo).

2. Thời gian, địa điểm chi trả tiền bồi thường, hỗ trợ và thời gian bàn giao đất đã thu hồi:

- Thời gian: Trong thời hạn 30 ngày làm việc kể từ ngày thực hiện xong việc niêm yết công khai Quyết định phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ dự án.

- Địa điểm tại Trụ sở UBND phường Đoàn Kết.

- Thời gian bàn giao đất đã thu hồi: Trong thời hạn 20 ngày làm việc kể từ ngày Trung tâm phát triển quỹ đất thành phố chi trả xong tiền bồi thường, hỗ trợ thì hộ gia đình ông Nguyễn Mạnh Hải có trách nhiệm bàn giao đất sạch cho Trung tâm Phát triển quỹ đất thành phố.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký. Chánh Văn phòng HĐND-UBND thành phố; Trưởng các phòng: Tài nguyên và Môi trường, Tài chính - Kế hoạch, Kinh tế, Quản lý đô thị; Giám đốc Trung tâm Phát triển quỹ đất thành phố; Chủ tịch UBND phường Đoàn Kết, Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị có liên quan và hộ gia đình, cá nhân có tên tại Điều 1 chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 2;
- Chủ tịch UBND thành phố (b/c);
- BQLDA thành phố;
- Trang TTĐT thành phố;
- Lưu: VT, TNMT.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH



Đỗ Văn Xiêng

BIỂU TỔNG HỢP KINH PHÍ BỒI THƯỜNG HỖ TRỢ

Dự án: Đường nối các khu dân cư với vùng sản xuất thành phố Lai Châu: Tuyến nối QL4D đến nhà máy gạch tuynen cũ

(Kèm theo Quyết định số 2407/QĐ-UBND ngày 28 tháng 11 năm 2022 của UBND thành phố Lai Châu)

TT	Tên các hạng mục	ĐVT	Số lượng	Đơn giá (đ)	Thành tiền
1	2	3	7	8	9=7*8
1	Hộ gia đình: Nguyễn Mạnh Hải (Nguyễn Đức Chiều) và bà Nguyễn Thị Hào				
	Địa chỉ: Tổ 11 phường Đoàn Kết thành phố Lai Châu				
	Tổng số tiền được bồi thường hỗ trợ bằng (a+b)				21,656,651
a	Về đất				1,918,000
1	Diện tích thu hồi	m ²	74.8		
1.1	Diện tích gia đình đồng ý hiến đất	m ²	20.0		
1.2	Diện tích bồi thường (diện tích ông Nguyễn Tiến Mã đang sử dụng 14,3 m2, diện tích ông Trần Văn Sáu đang sử dụng 11,8 m2)	m ²	54.8	35,000	1,918,000
2	Loại đất: Đất bằng trồng cây hàng năm khác.				
	Vị trí (VT1) Đường nhánh tiếp giáp đường Trần Hưng Đạo (cạnh đại lý YAMAHA) đến tiếp giáp nhà máy gạch tuynen cũ				
	Nguồn gốc: Gia đình ông Nguyễn Đức Chiều (Nguyễn Mạnh Hải) bà Nguyễn Thị Hào được Nông trường Tam Đường cho mượn đất để làm nhà ở và làm vườn từ năm 1986 không có giấy tờ. Đến ngày 09/3/2001 bà Hào mới được Xí nghiệp chè Tam Đường cấp Đơn xin Đăng ký sử dụng ruộng đất. Đối chiếu với bản đồ địa chính năm 2014 phần diện tích thu hồi đất của gia đình ông Nguyễn Đức Chiều (Nguyễn Thị Hào) thuộc thửa đất số 9 TBĐ số 5 quy chủ cho bà Nguyễn Thị Linh, thửa số 10 TBĐ số 5 quy chủ cho bà Nguyễn Thị Phụng, thửa số 11 TBĐ số 5 quy chủ cho ông Nguyễn Xuân Quảng, thửa số 12 TBĐ số 5 quy chủ cho bà Nguyễn Thị Thảo, thửa số 5 TBĐ số 5 quy chủ cho ông Trịnh Bá Xuân, thửa 204 TBĐ 100 quy chủ đất BCS do UBND phường quản lý và đối chiếu với bản đồ nghiệm thu năm 2020 phần diện tích thu hồi của ông Nguyễn Đức Chiều bà Nguyễn Thị Hào thuộc thửa đất số 124 TBĐ số 5 quy chủ đất DTL, thửa số 64 TBĐ số 5 quy chủ đất đường giao thông do UBND phường quản lý. Hiện tại hộ gia đình ông Nguyễn Đức Chiều bà Nguyễn Thị Hào đang sử dụng có nguồn gốc như trên. Nguyên nhân chồng lấn do giữa các lần đo đạc đo đạc quy chủ chưa chính xác. Toàn bộ diện tích thu hồi sử dụng ổn định không tranh chấp.				
b	Về tài sản vật kiến trúc				15,280,651
1	Trụ công xây gạch (0.3*0.3*2.0)*2	m ³	0.36	546,700	196,812
2	Cổng sắt (2.0*1.8) (hỗ trợ di chuyển)	m ²	3.60	290,400	1,045,440
3	Bó bờ xây hoàn chỉnh	m	6.00	48,400	290,400

TT	Tên các hạng mục	ĐVT	Số lượng	Đơn giá (đ)	Thành tiền
1	2	3	7	8	9=7*8
4	Nền lát gạch block (1.9*3.5)	m ²	6.65	110,000	731,500
5	Tường xây gạch bi T12 (1.7*13.5)	m ²	22.95	127,600	2,928,420
6	Tấm đan BTCT (8.8*0.7*0.1)	m ³	0.62	1,393,700	858,519
7	Công sắt (3.1*2.1)(hỗ trợ di chuyển)	m ²	6.51	290,400	1,890,504
8	Ống nước hàn nhiệt Φ21	m	6.00	5,273	31,638
9	Trụ cổng xây gạch (0.4*0.4*2.5)*3	m ³	1.20	546,700	656,040
10	Nền BT đá dăm dày 10 cm(4.5*7.3)	m ²	32.85	83,600	2,746,260
11	Tường xây gạch bi T12 (3*1.8)*2	m ²	10.80	127,600	1,378,080
11	Tường xây gạch bi T12 (4.0*2.1)	m ²	8.40	127,600	1,071,840
13	Kè đá xây (13.5*0.5*0.4)	m ³	2.70	392,700	1,060,290
14	Ống nhựa PVC Φ110	m	6.00	65,818	394,908
c	Về cây cối hoa màu				4,458,000
1	Cây đào bán kính tán lớn hơn 4m	cây	2.00	600,000	1,200,000
2	Cây đào bán kính tán từ 2 đến 4m	cây	1.00	480,000	480,000
3	Cây bơ bán kính tán lớn hơn 4m	cây	1.00	840,000	840,000
4	Cây khế bán kính tán lớn hơn 4m	cây	1.00	480,000	480,000
5	Cây nhãn trồng hạt Năm thứ 2	cây	3.00	66,000	198,000
6	Cây đào trồng hạt Năm thứ 1	cây	3.00	42,000	126,000
7	Cây ổi trồng hạt Năm thứ 1	cây	2.00	42,000	84,000
8	Cây xoài trồng hạt Năm thứ 3	cây	2.00	132,000	264,000
9	Chậu cây cảnh	cây	10.00	24,000	240,000
10	Rau màu gói vụn	m ²	20.00	9,600	192,000
11	Cây đu đủ đã cho thu hoạch	cây	1.00	144,000	144,000
12	Cây bưởi trồng hạt Năm thứ 1	cây	4.00	42,000	168,000
13	Cây roi trồng hạt Năm thứ 1	cây	1.00	42,000	42,000

